

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 239/2024/HC-PT

Ngày: 22/4/2024

V/v “Khiếu kiện hủy Quyết định
hành chính trong quản lý đất đai”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 877/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 330/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4154/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phan Nhật L - Công ty luật TNHH Civil Việt Nam, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** *Người bị kiện:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ;

chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Hải Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- UBND xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- Hộ gia đình ông Phạm Ngọc Đ do ông Phạm Ngọc Đ là chủ hộ đại diện; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện trình bày:* Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4 diện tích 444m² tại Thôn B, xã K, huyện Đ, chủ sử dụng đất là Phạm Ngọc Đ có nguồn gốc là do bố mẹ ông phân chia cho ông từ những năm 1970 nên ông quản lý sử dụng cho đến thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012.

Thời điểm những năm 1970 đến trước năm 1996, việc quản lý đất đai tại UBND xã K không có hồ sơ quản lý về đất đai; do vậy việc phân chia từ bố mẹ ông tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4 diện tích 444m² tại Thôn B, xã K, huyện Đ chỉ được thực hiện theo phong tục tập quán của địa phương mà không thể làm giấy tờ theo quy định của pháp luật được.

Năm 2012, ông Đ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với diện tích đất 444 m², thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, kèm theo các tài liệu được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã K xác nhận.

Sau khi biết gia đình ông Đ phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích 264m² đất từ Thông báo số 330/TB-CCT ngày 16/9/2013 của Chi Cục thuế huyện Đ thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất, ông Đ đã nhiều lần làm đơn kiến nghị, khiếu nại gửi UBND huyện Đ xem xét về nội dung này nhưng không được trả lời, giải quyết.

Ngày 21/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Văn bản số 1783/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị của ông Phạm Ngọc Đ. Sau khi nhận được Văn bản số 1783/UBND-TNMT do Ban tiếp công dân cung cấp ngày 29/12/2020, ông Đ đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với Văn bản số 1783/UBND-TNMT.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 522/QĐ-CTUB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Phạm Ngọc Đ.

Ngày 30/05/2022, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1821/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Phạm Ngọc Đ. Nội dung văn bản thể hiện: “UBND huyện Đ căn cứ khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xác định: Hạn mức công nhận đất ở cho ông Phạm Ngọc Đ là $180m^2$; Phần diện tích $264 m^2$ đất còn lại vượt hạn mức công nhận đất ở phải nộp 50% tiền sử dụng đất (Công dân có quyền ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định)”.

Ông Phạm Ngọc Đ cho rằng mình có giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 (Sổ địa chính) khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét trong quá trình xét, cấp giấy chứng nhận và quá trình giải quyết khiếu nại. Đây là nhận định thiếu căn cứ, thiếu khách quan, không phù hợp với các chứng cứ, căn cứ trong hồ sơ vụ việc của cơ quan giải quyết khiếu nại (UBND huyện Đ, UBND thành phố Hà Nội) dẫn đến việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Vì vậy, ông Phạm Ngọc Đ đề nghị Tòa án huỷ Quyết định 522/QĐ-CTUB ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần 1); huỷ Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại (lần 2); Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn liền kề... đối với hộ gia đình ông Phạm Ngọc Đ tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội và xác định diện tích đất $444 m^2$ là đất ở; không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Chủ tịch và UBND huyện Đ:

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất Theo báo cáo của UBND xã K, Bản đồ địa chính đo đạc năm 1994 - 1996 (được Sở Địa chính xác nhận phục vụ công tác cấp GCNQSD đất) lưu trữ tại UBND xã K thể hiện thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4 Thôn B có diện tích $444m^2$. UBND xã K xác định thửa đất có nguồn gốc là đất ông cha để lại sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980 không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch và không có giấy tờ theo Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003.

2. Việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Ngọc Đ tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4, Thôn B, xã K.

Ngày 06/7/2012, ông Phạm Ngọc Đ có Đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối

với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 04 diện tích 444m² Thôn B, xã K.

Ngày 09/4/2013, UBND xã K đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 04, diện tích 444m² đất ở tại Thôn B, xã K; xác định thửa đất có nguồn gốc là đất ông cha để lại sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch.

Căn cứ hồ sơ do UBND xã K thiết lập và trình UBND huyện Đ; Ngày 09/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 1348/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho 40 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có trường hợp của ông Phạm Ngọc Đ). Việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Ngọc Đ được thực hiện đúng theo trình tự, quy định của pháp luật.

3. Việc xác định hạn mức và nghĩa vụ tài chính khi cấp GCN QSD đất.

Theo khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND thành phố Hà Nội ban hành về quy định hạn mức giao đất ở mới; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất trong khu dân cư có đất ở và đất vườn, ao liền kề; kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội: *“4. Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 thì hạn mức công nhận đất ở được xác định bằng hạn mức giao đất ở mới (xác định theo mức tối đa) quy định tại khoản 1 Điều 1 quy định này”*.

Theo điểm a khoản 1 Điều 19 của Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 ban hành quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội: *“Trường hợp đất có nhà ở thì người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở mới xác định theo mức tối đa do UBND Thành phố quy định, đối với diện tích đất ở thực tế sử dụng ngoài hạn mức (nếu có) thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp Giấy chứng nhận”*.

UBND huyện Đ căn cứ điểm a khoản 1 Điều 19 của Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND thành phố Hà Nội, xác định hạn mức công nhận đất ở cho ông Phạm Ngọc Đ là 180m², phần diện tích 264m² đất còn lại vượt hạn mức công nhận đất ở phải nộp 50% tiền sử dụng đất.

4. Quá trình giải quyết khiếu nại: Sau khi ông Phạm Ngọc Đ có Đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND huyện Đ xem xét lại nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho gia đình đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 04 diện tích 444m² tại Thôn

B, xã K, ngày 21/11/2018, UBND huyện Đ có Văn bản số 1783/UBND-TNMT về việc trả lời Đơn kiến nghị của ông Phạm Ngọc Đ, trong đó khẳng định việc UBND huyện Đ xác định hạn mức công nhận đất ở cho ông Phạm Ngọc Đ là 180m², phần diện tích 264m² đất còn lại vượt hạn mức công nhận đất ở phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND thành phố Hà Nội là đúng.

Ông Phạm Ngọc Đ có Đơn khiếu nại Văn bản số 1783/UBND-TNMT ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đ. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 522/QĐ-CTUB về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Đ; địa chỉ: Số nhà 24-A5, tập thể N, quận B, thành phố Hà Nội (lần đầu).

Quan điểm người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội: Trên cơ sở Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, không có ý kiến nào khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội:

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4 Thôn B, xã K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc như sau: Ông Phạm Ngọc Đ được cha ông để lại mảnh đất thổ cư để xây dựng nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980. Theo bản đồ địa chính nay là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4, có diện tích 444m² Thôn B, xã K.

2. Việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Ngọc Đ tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4, Thôn B, xã K.

Ngày 06/7/2012, ông Phạm Ngọc Đ có Đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 04 diện tích 444m² tại Thôn B, xã K.

Ngày 09/4/2013, UBND xã K đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 04, diện tích 444m² đất ở tại Thôn B, xã K; xác định thửa đất có nguồn gốc là đất ông cha để lại sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch.

Căn cứ hồ sơ do UBND xã K thiết lập và trình UBND huyện Đ; Ngày 09/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho 40 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có trường hợp của ông Phạm Ngọc Đ). Việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Ngọc Đ được thực hiện đúng theo trình tự, quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 330/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; các Điều 194; 204; 206 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Đ.

- Hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phạm Ngọc Đ về diện tích đất và nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 264m².

- Hủy Văn bản số 1783/UBND-TNMT ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đ;

- Hủy Quyết định số 522/QĐ-CTUB/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại lần hai.

2. Xác nhận diện tích thực tế là 438 m² thửa số 05, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại địa chỉ Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội là đất thổ cư không phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/10/2023, ông Nguyễn Anh D là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ kháng cáo đối với nội dung tuyên hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phạm Ngọc Đ về diện tích và nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 264m²; hủy Văn bản số 1783/UBND-TNMT ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đ; hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc Đ (lần đầu).

Ngày 31/10/2023, ông Nguyễn Trọng Đ là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội kháng cáo đối với nội dung tuyên hủy Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Ngọc Đ là người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện vắng mặt không rút kháng cáo, vắng mặt người bị kiện nên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:** - *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 330/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người bị kiện: Ngày 27/10/2023 và ngày 31/10/2023, người bị kiện nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, vắng mặt người bị kiện kháng cáo nhưng có đơn xin vắng mặt, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phiên tòa được mở nhiều lần nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện.

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Phạm Ngọc Đ khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại (lần hai); hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu); hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phạm Ngọc Đ về diện tích

đất và nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 264m²; hủy Văn bản số 1783/UBND-TNMT ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đ; Đây là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/8/2022, ông Phạm Ngọc Đ làm đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ kiện là trong thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện:

Đối với Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ:

- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định trên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất theo hồ sơ, tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Phạm Ngọc Đ gồm có: Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ xác nhận nguồn gốc đất: *“Ông Phạm Ngọc Đ được ông cha để lại mảnh đất thổ cư để xây dựng nhà ở sử dụng trước năm 1980 theo bản đồ địa chính nay là thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4 diện tích 444 m² tại Thôn B, xã K, huyện Đ, sử dụng không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch”*. Biên bản kiểm tra hiện trạng thể hiện diện tích đất 444m² là đất ở, không có đất nông nghiệp, đất vườn có chữ ký của các hộ liên kề.

Ngày 06/7/2012, ông Phạm Ngọc Đ nộp đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 4 diện tích 444m² tại Thôn B, xã K, huyện Đ. Hồ sơ kê khai của ông Phạm Ngọc Đ đã được UBND xã K tiếp nhận, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận số B0442665 ngày 03/7/2013. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp không thể hiện phần diện tích phải nộp tiền sử dụng đất.

UBND xã K xác nhận không còn lưu giữ bản đồ và sổ mục kê trước năm 1993; tại bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 được phê duyệt năm 1996 đã thể hiện ghi tên ông Phạm Ngọc Đ.

Như vậy, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4, diện tích 444m² của hộ gia đình ông

Phạm Ngọc Đ thuộc trường hợp đất thừa kế của cha, ông để lại được xác nhận của UBND xã K; thể hiện tên trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1993, được sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước năm 1980, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Diện tích đất ở của gia đình ông Phạm Ngọc Đ đang sử dụng tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4, diện tích 444m² không thể hiện có đất ao, vườn, không thuộc trường hợp áp dụng hạn mức giao đất ở mới theo khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 19/2012/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội. Vì vậy, UBND huyện Đ áp dụng thu tiền sử dụng diện tích 264m² đất thổ cư phải nộp 50% tiền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Đ đối với diện tích đất của hộ gia đình ông Phạm Ngọc Đ về việc nộp tiền sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với Văn bản số 1783/UBND-TNMT ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đ đối với việc ông Đ đề nghị xem xét lại nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã K, Bản đồ hiện còn lưu giữ tại địa phương năm 1993 đã thể hiện tên ông Phạm Ngọc Đ, diện tích đất ở của gia đình ông Đ không thể hiện có đất vườn, đất ao. UBND huyện Đ phải căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất để trả lời công dân mới đảm bảo quyền lợi cho ông Phạm Ngọc Đ. Do đó, việc trả lời kiến nghị của UBND huyện Đ đối với ông Đ là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003.

[6] Đối với Quyết định số 522/QĐ-CTUB ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai):

- Về thẩm quyền, trình tự ban hành quyết định giải quyết khiếu nại: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Đ, người bị khiếu nại đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về hình thức, quyết định đảm bảo đúng quy định tại Điều 31, Điều 40 của

Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung: Theo phân tích ở trên, xác định thửa đất số 05, tờ bản đồ số 4, xã K của hộ gia đình ông Phạm Ngọc Đ có nguồn gốc đất thổ cư của cha, ông để lại; thể hiện tại bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 đứng tên ông Phạm Ngọc Đ, sử dụng trước năm 1980 và ông Đ nộp hồ sơ kê khai xác định thời điểm năm 2012. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của ông Đ xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông Phạm Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc Đ là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 330/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND thành

phố Hà Nội mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại các Biên lai số 0022830; 0022823 cùng ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng